

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 788/2017/HSPT

Ngày: 22/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Quang Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Bà Đinh Thị Phụng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Nga, cán bộ
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 435/2015/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2015 đối với bị cáo Ngô Xuân T1 và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2015 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Ngô Xuân T1, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn HT, xã TL, huyện VY, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; con ông Ngô Xuân T và bà Giáp Thị B (đã chết); có vợ là Vũ Thị V và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 09/01/2014; có mặt.

2. Lưu Văn T2, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn PC, xã NV, huyện TY, Bắc Giang; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Lưu Văn K và bà Giáp Thị S; có vợ là Lê Thị Q và có 04 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 22/2/2014; có mặt.

3. Nguyễn Thế C1, sinh năm 1969; ĐKKHKT và chỗ ở: thôn ĐC xã NV, huyện TY, Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/10; Con ông Nguyễn Thế S (đã chết) và bà Đỗ Thị T; có vợ thứ nhất là Thân Thị Đ, sinh năm 1972 (đã chết) và có 02 con; có vợ thứ hai: Nguyễn Thị H và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt truy nã ngày 19/3/2014; có mặt.

4. Nguyễn Văn H1 (tức H1 mi nhon), sinh năm 1970; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Tr, xã TL, huyện VY, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự

do; trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Nguyễn Thị Tr và có 02 con; Tiền sự: không;

Tiền án: Án số 36/2003/HSST ngày 15/4/2003 của TAND tỉnh Lạng Sơn xử phạt Xã TL1 09 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”.

Nhân thân: Án số 38/HSST ngày 16/11/1995 của TAND huyện VY, tỉnh Bắc Giang xử phạt Xã TL1 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong phần dân sự ngày 14/2/1996;

Án số 37/HSST ngày 01/10/1998 của TAND huyện VY, tỉnh Bắc Giang và án số 134/HSPT ngày 31/12/1998 của TAND tỉnh Bắc Giang xử phạt Xã TL1 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong phần dân sự ngày 23/4/1999.

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 26/8/2014; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo T1:* luật sư Lê Văn T VPLS DA thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo T2 và bị cáo C2:* Ông Dương Minh K, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo H1 :* luật sư Võ Thị An B, VPLS An B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 09/01/2014, trên đường Quốc lộ 1A, đoạn đường thuộc thôn NN, xã QC, huyện VY, tỉnh Bắc Giang Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp với C47 Bộ Công an, Công an huyện VY và phòng Kỹ thuật nghiệp vụ Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Dương Văn H2, sinh năm 1986 trú tại thôn 1, xã VT huyện VY, tỉnh Bắc Giang đang thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Vật thu giữ: Tổng số 4853 viên nén hình tròn màu hồng đỏ và 50 viên nén hình tròn màu xanh, trên một mặt của tất cả các viên nén đều có chữ “WY”, nghi là ma túy tổng hợp. Trong đó:

- 01 (một) gói nilon màu đen bên trong có 05 (năm) túi nilon màu xanh một đầu của mỗi túi đều có rãnh khoá bằng nhựa. Trong đó:

+ 04(bốn) túi nilon trong mỗi túi đều đựng 198 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

+ 01 (một) túi nilon còn lại đựng 190 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

- 01(một) túi nilon màu trắng bên trong có 05 túi nilon màu xanh, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khoá bằng nhựa, bên trong các túi nilon màu xanh có:

+ 04(bốn) túi nilon bên trong mỗi túi đều có 194 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

+ 01 (một) túi nilon bên trong chứa 190 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

- 05(năm) túi nilon màu xanh một đầu của mỗi túi đều có rãnh khoá bằng nhựa, tất cả được quấn bằng dây chun nịt màu vàng, bên trong mỗi túi đều chứa 193 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

- 01 (một) túi da màu đen, một đầu có khoá kéo, bên trong có 10 (mười) túi nilon màu xanh, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khoá bằng nhựa, trong mỗi túi đều chứa 194 viên nén màu hồng đỏ và 02 viên nén màu xanh.

Ngoài ra, Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ của Dương Văn H2 một số tài sản khác.

Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra lệnh bắt khám xét khẩn cấp đối với Ngô Xuân T1. Thu giữ trong người của T1 01 (một) gói nilon màu đen, bên trong có 03(ba) viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của tất cả các Viên nén đều có chữ “WY”, nghi là ma túy tổng hợp; 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Mobell loại máy một thân màn hình cảm ứng đã cũ. Khám xét nhà ở Cơ quan điều tra thu giữ 110 triệu đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam (BL163- 167).

Ngày 20/01/2014 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 33 và Lệnh khám xét số 61 đối với Lưu Văn T2, sinh năm 1976, trú ở thôn PC, xã NV, huyện TY, tỉnh Bắc Giang (BL318). Do T2 bỏ trốn ngày 12/02/2014 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra Lệnh truy nã số 09 đối với Lưu Văn T2 về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 22/02/2014, Lưu Văn T2 đã bị bắt truy nã tại xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Thu giữ trong người của T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Avio màu xanh-đen. Ngày 23/02/2014 cán bộ trại giam T4 hành kiểm tra đồ vật, tài sản mang theo vào nhà tạm giữ của Lưu Văn T2, đã phát hiện thu giữ 01 viên nén màu hồng đỏ nghi là ma túy tổng hợp (BL 333 - 335).

Ngày 19/3/2014, Nguyễn Thế C1 bị bắt theo Lệnh truy nã; ngày 26/8/2014, Xã TL1 bị bắt theo Lệnh truy nã.

Tại kết luận giám định số 39/KL-PC54 ngày 14/01/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Tổng số 4.903 viên nén (trong đó có 4853 viên nén màu hồng đỏ và 50 viên nén màu xanh) thu giữ trong quá trình bắt quả tang Dương Văn H2 là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 457,303 gam.

- 03 viên nén màu hồng đỏ thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp Ngô Xuân T1 là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 0,276 gam.

- 04 viên nén màu hồng đỏ thu giữ trong quá trình bắt khẩn cấp Nguyễn Thị L1 là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 0,374 gam (BL 17- 18).

Tại kết luận giám định số 226/KL - PC54 ngày 14/3/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Viên nén màu hồng đỏ thu giữ

của Lưu Văn T2 gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine có trọng lượng là: 0,097 gam (BL 343- 345).

Tại kết luận giám định số: 4529/C54(P7) ngày 01/12/2014 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

- Các viên nén hình tròn màu hồng đỏ và màu xanh trong mẫu ký hiệu “QT” thu giữ của Dương Văn H2 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine trung bình là: 11%.

- Viên nén màu hồng đỏ trong mẫu ký hiệu “KT” thu giữ của Lưu Văn T2 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine là: 11,1%.

- 04 (bốn) viên nén màu hồng đỏ trong mẫu ký hiệu “KC” thu giữ của Nguyễn Thị L1 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine trung bình là: 10,5%.

- 03 (ba) viên nén màu hồng đỏ trong mẫu ký hiệu “KT” thu giữ của Ngô Xuân T1 gửi giám định có hàm lượng Methamphetamine là: 11,4% (BL 22).

Quá trình điều tra xác định được các bị can có hành vi phạm tội như sau:

1. Nguyễn Văn C2, Lưu Văn T2, Ngô Xuân T1 và Lê Đ1 A1 (Đ1) thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Hành vi thứ 1: Khoảng 19 giờ ngày 22/02/2013, theo hẹn qua điện thoại Ngô Xuân T1 đến nhà Nguyễn Văn C2. Tại đây, Đ2 đặt vấn đề thuê T1 cùng với em họ của Đ2 là Lê Đ1 A1 (tức Đ1) vận chuyển ma túy Heroin từ Bắc Giang lên Lạng Sơn giao bán cho khách hàng của Đ2. Đ2 trả tiền công cho T1 và Đ1 mỗi người 4 triệu đồng/1 bánh. T1 đồng ý, nhưng do Đ2 chưa biết chỗ mua Heroin nên T1 giới thiệu để Đ2 đến mua Heroin của anh họ T1 là Lưu Văn T2. Vào buổi sáng một ngày khoảng cuối tháng 02/2013, Ngô Xuân T1 đã dẫn Đ2 đến nhà T2 để trao đổi mua bán Heroin.

Tại đây, Đ2 đồng ý mua của T2 1 bánh Heroin loại “hàng đẹp” với giá là 200 triệu đồng/1 bánh. T2 đồng ý và bảo Đ2 mang tiền đến T2 bán Heroin cho. Sau khi thỏa thuận xong T1, Đ2 ở lại ăn cơm trưa tại nhà T2. Ăn xong T2 dẫn T1 và Đ2 lên tầng 2 nhà T2, tại đây T2 lấy ra khoảng 6 viên ma túy tổng hợp để 03 người cùng sử dụng. Trong lúc T2 và T1 còn đang sử dụng thì Đ2 một mình đi về nhà lấy 200 triệu đồng đem đến cho T2, khi đưa tiền T1 có mặt ở đó biết. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T2 cầm tiền và đi ra ngoài khoảng 1 giờ sau T2 quay về nhà cầm theo 1 bánh Heroin đựng trong túi nilon màu đen đưa cho Đ2 kiểm tra chất lượng. Đ2 kiểm xong đồng ý mua nhưng Đ2 không mang bánh Heroin về mà bảo T2 cho Đ2 gửi lại ở nhà T2 khi nào đi bán sẽ lấy sau. T2 đồng ý mang bánh Heroin đi cất giấu, còn Đ2 và T1 đi về.

Khoảng 18 giờ ngày hôm sau, Đ2 gọi điện bảo T1 “khoảng 19 giờ cùng ngày đi xe máy đến khu vực núi ba cây, đoạn đường giáp ranh giữa xã VT, huyện VY và xã NV, huyện TY để nhận bánh Heroin rồi đón Lê Đ1 A1 (tức Đ1) cùng mang bánh Heroin lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giao bán bánh Heroin cho 1 người phụ nữ tên là H3 (H3 là khách của Đ2). Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Đ2 một mình đi xe máy đến đoạn đường đã hẹn với T1 rồi điện thoại cho T2 bảo T2 mang bánh Heroin (trước đó Đ2 gửi

lại nhà T2) ra khu vực núi ba cây cho Đ2. Khoảng 30 phút sau T2 một mình đi xe máy ra gặp Đ2, cùng lúc đó T1 cũng đi xe máy tới nơi. Tại đây T2 lấy bánh Heroin đựng trong bao tải rửa giao cho Đ2, Đ2 nhận rồi giao lại cho T1. T1 cất bánh Heroin vào ba lô của T1 rồi phóng xe đi còn T2 và Đ2 đi về.

T1 khai: Sau khi nhận bánh Heroin của Đ2, T1 đến nhà đón Lê Đ1 A1 (tức Đ1) rồi cùng Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đi thẳng lên cửa khẩu Chi Ma, Lạng Sơn liên lạc với H3 theo số điện thoại Đ2 cho từ trước sau đó giao bán bánh Heroin trên cho H3 với giá 230 triệu đồng. Giao bánh Heroin xong T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) ra khu vực chợ Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn thuê phòng nghỉ để chờ H3 đến trả tiền. Đến khoảng 10 giờ sáng hôm sau H3 thông báo lại là chưa có tiền và bảo Lê Đ1 A1 (tức Đ1) và T1 cứ đi về, khi nào có tiền thì H3 sẽ gọi Đ2 lên lấy sau.

Sáng hôm sau T1 đến nhà Đ2 nói lại cho Đ2 biết việc T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đã giao cho H3 bánh Heroin nhưng chưa lấy được tiền. Đ2 lấy 5 triệu đồng ra trả công cho T1, T1 nhận rồi rút ra 1 triệu đồng để lên bàn thờ nhà Đ2 rồi đi về.

Đ2 khai sau hôm đó (không nhớ ngày) H3 đã gọi điện thoại bảo Đ2 lên Lạng Sơn nhận tiền. Đ2 một mình đi xe máy lên khu vực chợ Đông Kinh liên lạc với một người phụ nữ theo số điện thoại H3 cho và nhận 230 triệu tiền bán bánh Heroin cho H3. Chuyến này Đ2 đã trả cho Lê Đ1 A1 (tức Đ1) 5 triệu đồng tiền công.

T2 khai: 01 bánh Heroin bán cho Đ2 là của Đ2 mua của một người xe ôm không quen biết ở khu vực Trảng, xã VT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Hành vi thứ 2: Khoảng 10 ngày sau lần 1, Ngô Xuân T1 đang ở nhà thì Nguyễn Văn C2 gọi điện thoại bảo T1 qua nhà Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đón Lê Đ1 A1 (tức Đ1) rồi ra ngã tư làng Chàng, xã VT, huyện VY lấy “hàng” (Heroin) đi bán. T1 đồng ý. Đúng lúc này T1 nhận được điện thoại của Lê Đ1 A1 (tức Đ1) bảo T1 cứ ở nhà chuẩn bị, Lê Đ1 A1 (tức Đ1) sang đón. Sau đó T1 đi bộ ra cổng thì gặp Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đi xe máy đến. Lê Đ1 A1 (tức Đ1) điều khiển xe chở T1 đến khu vực ngã tư làng Chàng. Hai người đứng chờ khoảng 5 phút thì thấy Đ2 một mình đi xe máy đến, gặp nhau Đ2 đưa cho Lê Đ1 A1 01 bánh Heroin được đựng trong túi nilon màu đen, Lê Đ1 A1 (tức Đ1) nhận giấu vào trong cặp quần trước bụng ngồi sau xe T1 điều khiển xe đi thẳng đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn rồi giao cho H3 bánh Heroin và nhận 230 triệu đồng rồi đi xe máy quay về, đến khoảng 18 giờ cùng ngày hai người về đến nhà Đ2. Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đưa trả cho Đ2 230 triệu đồng. Đ2 nhận tiền rồi lấy tiền trả công cho Lê Đ1 A1 (tức Đ1), T1 mỗi người 4 triệu đồng.

Đ2 khai: Bánh Heroin Đ2 giao cho Lê Đ1 A1 (Đ1) cùng T1 đem lên Lạng Sơn giao bán cho H3 là của Đ2 mua của Lưu Văn T2 với giá 200 triệu đồng. Xét hỏi Lưu Văn T2 không thừa nhận đã bán cho Đ2 01 bánh Heroin này. T4 hành đối chất giữa Đ2 và T2 không làm rõ được. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ kết luận T2 đã bán cho Đ2 01 bánh Heroin này.

Hành vi thứ 3: Vào khoảng 15 giờ một ngày khoảng cuối tháng 3/2013, Đ2 gọi điện thoại bảo T1 chuẩn bị rồi điện thoại cho Lê Đ1 A1 (Đ1) bảo Lê Đ1

A1 (tức Đ1) sang đón T1 rồi đi nhận hàng (Heroin) mang lên Lạng Sơn bán cho Đ2. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Đ1 A1 (tức Đ1) một mình đi xe máy đến đón T1. Lê Đ1 A1 (tức Đ1) và T1 đi đến khu vực cầu Văn Yên đoạn giáp danh giữa xã VT và xã TL, huyện VY thì đỗ xe lại chờ một lúc thì Đ2 và T2 đi một xe máy hiệu xe Dream đến nơi gặp T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1). Tại đây T2 cầm túi nilon đựng 2 bánh Heroin đưa cho Lê Đ1 A1 (tức Đ1) có mặt T1 và Đ2 ở đó biết. Lê Đ1 A1 (tức Đ1) nhận túi nilon đựng 02 bánh Heroin cho vào ba lô của mình mang theo từ nhà. Sau đó Lê Đ1 A1 (tức Đ1) và T1 đi thẳng lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Cũng như lần trước T1 và Lê Đ1 A1 (Đ1) giao cho H3 02 bánh Heroin và nhận 460 triệu đồng rồi hai người thay nhau điều khiển xe đi về. Khoảng 18 giờ ngày hôm sau Lê Đ1 A1 (tức Đ1) và T1 đem 460 triệu đồng về nhà Đ2 giao trả cho Đ2. Xong, Đ2 lấy tiền trả công cho T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) mỗi người 8 triệu đồng. Lưu Văn T2 không thừa nhận đã bán cho Đ2 hai bánh Heroin trên. Nhưng, T1 khai: Khi T1 và Lê Đ1 A1 (Đ1) nhận 02 bánh Heroin đem lên Lạng Sơn bán cho Đ2 thì thấy T2 và Đ2 đi 01 xe máy đến khu vực cầu Văn Yên giao cho T1 02 bánh Heroin này.

2. Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thế C1, Xã TL1 , Ngô Xuân T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vào một ngày khoảng tháng 5/2013, Nguyễn Thế C1 đến uống nước tại quán cà phê của người quen là Xã TL1 . Tại đây, H1 có nói C2 biết việc H1 có Heroin bán nếu C2 có khách mua thì H1 sẽ bán cho C2 để C2 bán lấy lãi.

Vào khoảng 17 giờ một ngày cuối tháng 5, đầu tháng 6/2013, Nguyễn Văn C2 gọi điện thoại hỏi mua của C2 2 bánh Heroin. C2 đồng ý và thống nhất giá bán là 200 triệu đồng/1 bánh. Đ2 hẹn sẽ mang tiền đến nhà C2. Khoảng 18 giờ cùng ngày Đ2 một mình đi xe máy đến nhà C2. Tại đây, Đ2 đưa cho C2 400 triệu đồng. Do trước đó C2 đã điện thoại cho H1 đặt mua Heroin của H1 với giá 197 triệu đồng/ một bánh Heroin nên C2 nhận tiền và bảo Đ2 cùng đi đến nhà H1 để mua Heroin. Do trời mưa to nên C2 lấy xe ô tô tải BKS: 98K-5252 của C2 chở Đ2 đến nhà H1 . Đến nơi, C2 bảo Đ2 ở ngoài quán quán cà phê chờ còn C2 một mình cầm tiền vào trong nhà H1 . Tại trong phòng phía sau quán cà phê H1 lấy trong người ra 2 bánh Heroin đưa cho C2. C2 kiểm tra bằng cách hít thử. Kiểm tra xong C2 bảo hàng (Heroin) hơi kém nên trả giá 190 triệu đồng/1 bánh Heroin. H1 đồng ý bán. C2 lấy 380 triệu đồng trong túi nilon màu đen ra trả cho H1 và nhận 02 bánh Heroin cho vào trong túi nilon vừa đựng tiền cầm đi ra đến sân nhà H1 thì gặp Đ2. C2 đưa túi nilon đựng 2 bánh Heroin cho Đ2 cầm rồi cùng lên xe ô tô về. Đ2 kiểm tra bằng cách hít thử và cho vào cốc nước kiểm tra. Kiểm tra xong, C2 bảo một bánh Heroin kém chất lượng không mua được mang trả lại cho H1 . C2 đồng ý. Sau đó Đ2 cất 01 bánh Heroin có chất lượng đi và cầm bánh Heroin kém chất lượng cùng C2 đi 01 xe máy đến nhà H1 . Đến nơi, thấy nhà H1 đóng cổng nên hai người trèo cổng vào trong nhà thì thấy H1 không có nhà chỉ có một người phụ nữ Đ2 và C2 nghĩ người đó là vợ H1 nên bảo người phụ nữ đó gọi điện cho H1 về nhưng không gọi được. Thấy vậy, C2 lên vào trong nhà giấu bánh Heroin vào trong giường ngủ của H1 với

mục đích để ép H1 trả lại tiền. Nếu, H1 không trả sẽ dọa H1 là báo Công an. Đ2 và C2 ngồi ở nhà H1 đợi khoảng 1 giờ sau thì thấy H1 đi bộ về thấy C2 và Đ2 ở đó H1 dọa “chúng mày tự ý vào nhà tao, anh em nó không biết nó bắn chết thì sao” Đ2 bảo H1 “hàng (Heroin) anh C2 vừa mua của anh là mua cho em đây”. Đ2 nói thêm Đ2 chỉ lấy một bánh còn một bánh kém chất lượng trả lại cho H1 và xin lại tiền. H1 bảo hiện không có tiền vì đã trả cho chủ hàng và bảo cứ để lại bánh Heroin, H1 sẽ đổi cho bánh khác. Đ2 gọi C2 ra ngoài thảo luận bảo C2 cứ đặt mua thêm của H1 2 bánh Heroin nữa để H1 lấy về nhưng không mua mà chỉ đến kiểm tra chọn lấy một bánh chất lượng tốt vì sợ H1 không trả lại tiền. C2 đồng ý và quay vào nói dối H1 là đặt lấy thêm 2 bánh Heroin nữa và đổi lại bánh Heroin C2 vừa mua. H1 đồng ý, hẹn C2 khi nào có hàng sẽ gọi cho C2. Sau đó C2 vào giường ngủ của H1 lấy bánh Heroin ra đưa lại cho H1 rồi cùng Đ2 đi về. Khoảng 7 giờ sáng ngày hôm sau, Đ2 gọi điện cho T1 và Lê Đ1 A1 bảo ra đoạn đường thuộc thôn Yên Hà, xã TL, huyện VY nhận bánh Heroin rồi mang lên Lạng Sơn bán. T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) đi một xe máy đến chỗ hẹn gặp Đ2 nhận bánh Heroin rồi mang thẳng lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Cũng như những lần trước T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) giao bán cho H3 01 bánh Heroin và nhận 230 triệu đồng đem về trả cho Đ2. T1 và Lê Đ1 A1 (tức Đ1) được Đ2 trả công cho mỗi người 4 triệu đồng.

Sau khi Đ2 và C2 trả lại 01 bánh Heroin cho H1 được 02 ngày thì H1 gọi điện thoại bảo C2 đến nhà H1 kiểm tra và lấy hàng Heroin. C2 gọi điện thoại cho Đ2 cùng đến nhà H1. C2 ở ngoài sân, còn H1 và Đ2 vào một phòng ở sau quán cà phê. Tại đây, H1 lấy 03 bánh Heroin ra đưa cho Đ2 kiểm tra. Kiểm tra xong Đ2 quay ra sân bảo C2 không lấy được để C2 biết yêu cầu H1 trả lại tiền một bánh Heroin đã trả lại hôm trước. H1 đồng ý và hẹn hôm nào có tiền sẽ gọi cho C2 đến lấy.

Khoảng 18 giờ 2 ngày sau, C2 đang ngồi chơi ở nhà Đ2 thì H1 gọi điện thoại bảo C2 xuống nhà H1 lấy tiền. C2 và Đ2 đi xe máy đến nhà H1. Tại đây, H1 lấy 190 triệu đồng trả cho C2. C2 nhận tiền không đếm lại rồi cùng Đ2 đi về đến nhà Đ2, C2 bỏ tiền ra đếm thì thấy có 194 triệu (thừa 4 triệu đồng). C2 lấy thêm 6 triệu đồng mang sẵn trong người gộp vào thành 200 triệu đồng trả lại cho Đ2, sau đó C2 đi về.

3. Nguyễn Thế C1 và Hoàng Văn T4 đồng phạm thực hiện hành vi mua bán ma túy như sau:

Vào một ngày trong tháng 6/2013, Nguyễn Thế C1 rủ Hoàng Văn T4 là người quen từ trước đi cùng C2 lên Sơn La mua ma túy và để T4 biết đường đi Sơn La sau này T4 đi Sơn La mua ma túy cho C2. Khoảng 7 giờ hai ngày sau, T4 một mình đến nhà C2. Sau đó C2 lấy xe máy chở T4 đi Sơn La mua ma túy. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, C2 và T4 đi đến Km 46 Quốc lộ 6 thuộc địa phận huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. C2 đưa T4 vào nhà một người dân tộc khoảng ngoài 50 tuổi (thường gọi là “ông già”). Tại đây, C2 mua của “ông già” 09 túi ma túy tổng hợp (mỗi túi có 200 viên) với giá 8,5 triệu đồng/1 túi. Mua được số ma túy trên, C2 và T4 đi về, đến nhà khoảng 21 giờ cùng ngày. C2 đưa cho T4 3 triệu đồng tiền công. C2 khai đã bán cho Ngô Xuân T1 09 túi ma túy trên với giá

11,5 triệu đồng/1 túi. Nhưng Ngô Xuân T1 không thừa nhận đã mua của C2 09 túi ma túy tổng hợp như C2 khai.

4. Nguyễn Thế C1, Ngô Xuân T1 và Hoàng Văn T4 đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ một ngày trong tháng 8/2013, Nguyễn Thế C1 gọi điện thoại thuê Ngô Xuân T1 và Hoàng Văn T4 đi huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua ma túy tổng hợp cho C2. T1 và T4 đồng ý, sau đó 2 người đi 1 xe máy ra khu vực ngã 3 Đình Trám, huyện VY nhận của C2 150 triệu đồng để đi lên huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua cho C2 30 túi ma túy tổng hợp (Số tiền còn thiếu 102 triệu đồng, C2 sẽ trả sau). Khi đi đến đoạn đường thuộc khu vực huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình thì T4 gọi điện thoại báo “ông già” chuẩn bị hàng ma túy tổng hợp để lên mua thì được “ông già” cho biết hết hàng, phải chờ 1-2 ngày. Vì vậy, T1 và T4 quay về đến khu vực thị trấn Nénh, huyện VY gặp và trả lại tiền cho C2.

Hai ngày sau, vào khoảng 18 giờ 30 phút T1 và T4 đi một xe máy đến đoạn đường gần khu vực Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh nhận của C2 150 triệu đồng để đi Sơn La mua 30 túi ma túy tổng hợp (còn thiếu 102 triệu đồng, C2 nói sẽ trả cho “ông già” sau). T1 và T4 đi lên Sơn La đến đoạn đường gần nhà nghỉ Hoàng Long thuộc khu vực huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình thì T4 gọi điện thoại báo “ông già” chuẩn bị hàng ma túy tổng hợp để vào mua. “ông già” bảo cứ lên đi, “ông già” sẽ mang hàng ra đường cho. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày hôm sau, T1 và T4 đi đến Km 46 Quốc lộ 6 thuộc địa phận huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La đỗ xe đứng chờ khoảng 15 phút thì thấy “ông già” một mình đi xe máy đến. T4 đưa cho “ông già” túi nilon đựng 150 triệu đồng và nhận lại 01 túi nilon màu đen bên trong đựng 30 túi ma túy tổng hợp (mỗi túi có 200 viên). Sau đó T1 và T4 quay về. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì về đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận tỉnh Bắc Ninh, T1 gọi điện thoại hỏi thì C2 bảo T1 và T4 đi thẳng lên Lạng Sơn rồi bán 30 túi ma túy tổng hợp đó cho khách của T1 (tên là H3 là người T1 quen biết khi Đ2 thuê T1 mang Heroin từ Bắc Giang lên Lạng Sơn bán cho H3 trước đó). T1 và T4 tiếp tục đi lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn rồi bán 30 túi ma túy tổng hợp trên với giá 13 triệu đồng/1 túi cho H3 được 390 triệu đồng đem về đưa cho C2. C2 trả công cho T1 và T4 mỗi người 24 triệu đồng.

5. Nguyễn Thế C1, Hoàng Văn T4, Lê Thế Tr và Ngô Xuân T1 đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ một ngày giữa tháng 9/2013, Nguyễn Thế C1 thuê Hoàng Văn T4 và Lê Thế Tr đều là người quen trong quan hệ xã hội đi huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua ma túy tổng hợp. T4 và Trung đồng ý. Sau đó C2 đến nhà đón Trung đi đến nhà Lê Thị Ngọc là em gái Trung ở đường Nguyễn Xiên, thuộc phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Tại đây, C2 gọi điện thoại cho T4 đến nhà Ngọc để gặp C2 và Trung. T4 đang ở Hà Nội nhận được điện thoại của C2 thì đến nhà Ngọc. Tại đây, C2 đưa cho Tr 115 triệu đồng trong đó có cả tiền đi đường để T4 và Tr đi xe máy lên nhà “ông già” ở Vân Hồ, tỉnh

Sơn La mua 14 túi ma túy tổng hợp đựng 200 viên với giá 8 triệu đồng/túi. T4 cất 14 túi ma túy tổng hợp vừa mua được vào cặp đựng quần áo của Tr mang theo từ trước rồi cùng Tr đi xe máy về Hà Nội. Đến đoạn đường thuộc quận Hà Đông, T4 xuống xe và bắt Taxi về nơi ở tại Hà Nội còn Tr mang cặp xách đựng ma túy về nhà Ngọc (em gái Trung) điện cho C2 đến đó rồi cùng đi xe máy về Bắc Giang, về đến nhà C2 bỏ 14 túi ma túy tổng hợp ra kiểm tra thấy đủ rồi lấy 6 triệu đồng ra trả công cho Trung. Khoảng 2 ngày sau, C2 xuống Hà Nội gọi điện thoại cho T4 đến một quán cà phê trên đường Nguyễn Xiển trả cho T4 5 triệu đồng tiền công.

Số ma túy tổng hợp mua được, C2 khai đã sử dụng hết 4 túi ma túy còn 10 túi C2 bán cho Ngô Xuân T1 với giá 11,5 triệu đồng.

Ngô Xuân T1 khai mua 10 túi ma túy tổng hợp của C2 với giá 11,5 triệu đồng rồi đã bán cho Nguyễn Đ1 Chính với giá 12 triệu đồng/1 túi (mỗi túi đựng 200 viên ma túy).

6. Ngô Xuân T1, Dương Văn H2, Hoàng Văn T4, Tạ Thị L1 và Nguyễn Trung K đồng phạm thực hiện hành phạm tội như sau:

Vào một ngày trong tháng 11/2013, Ngô Xuân T1 và Hoàng Văn T4 bàn nhau góp vốn mua bán ma túy lấy lãi chia nhau. T1 và T4 góp được 250 triệu đồng (trong đó có 48 triệu đồng C2 trả công cho T1 và T4 trong lần T1 và T4 đi mua 30 túi ma túy tổng hợp - hành vi thứ 4 nêu trong cáo trạng). T1 thuê Dương Văn H2, sinh năm 1986, trú ở thôn 1, xã VT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang là em rể của T1 đi cùng với T4 lên huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua của “ông già” 30 túi ma túy tổng hợp mỗi túi đựng 200 viên ma túy với giá 8,2 triệu đồng/túi. Hoàng và T4 mang 30 túi ma túy tổng hợp mua được về đến nhà T1 thì Hoàng về trước còn T4 ở lại cùng T1 lấy 15 túi ma túy tổng hợp đựng vào túi nilon màu đen rồi đi 01 xe máy đến quán cà phê của bà Nguyễn Thị H5 (là mẹ đẻ của Tạ Thị L1). Tại đây, T1 đưa 15 túi ma túy tổng hợp cho L1 tại bàn uống nước trong quán cafe rồi cùng L1 lên phòng ngủ tầng 2 thanh toán tiền. Khi đi đến cầu thang thì gặp Nguyễn Trung K. L1 đưa túi ma túy cho K. Cả ba người cùng đi lên phòng ngủ của L1. Tại đây, L1 lấy 187,5 triệu đồng trả cho T1, T1 nhận tiền rồi cùng T4 đi về. Sau khi T1 và T4 về, L1 bỏ túi nilon đựng ma túy vừa mua được ra kiểm tra có mặt K ở đó L1 thấy đủ 15 túi, mỗi túi có 200 viên. Trước đó L1 đã nói cho K biết việc L1 mua ma túy tổng hợp của T1 để gửi lên Lạng Sơn bán lấy lãi.

7. Nguyễn Thế C1, Dương Văn H2 và Hoàng Văn T4 đồng phạm thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau:

Vào một ngày trong tháng 11/2013, Nguyễn Thế C1 gọi điện thoại thuê Dương Văn H2 và Hoàng Văn T4 đi huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua viên ma túy tổng hợp. T4 và H2 đồng ý, rồi cùng đi một xe máy xuống Hà Nội gặp C2. Tại đây, H2 bảo C2 đặt mua thêm cho H2 2 túi ma túy tổng hợp. C2 đồng ý bảo H2 và T4 cứ lên nhà “ông già” mua ma túy còn C2 sẽ gọi điện thoại cho “ông già” chuẩn bị trước 12 túi ma túy tổng hợp.

Sau đó C2 lấy 88 triệu đồng đưa cho H2 (cả tiền đi đường) để mua 10 túi ma túy tổng hợp cho C2. H2 và T4 đi một xe máy lên Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua của “ông già” 12 túi ma túy tổng hợp với giá 8,5 triệu đồng/1 túi. Mua được ma túy, H2 và T4 đi về đến thị trấn XM, huyện CM, thành phố Hà Nội thì gặp C2 chờ ở đó. H2 lấy 2 túi ma túy tổng hợp của mình ra cất vào túi quần đang mặc còn đưa lại cho C2 10 túi ma túy tổng hợp. Sau đó T4 và H2 đi về nhà H2 còn C2 một mình đem 10 túi ma túy đi xe máy về sau. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì C2 đến nhà H2 thấy T4 ở đó C2 trả công cho T4 5 triệu đồng. C2 không trả tiền công cho H2 do H2 cũng mua ma túy cho riêng H2.

8. Nguyễn Thế C1, Dương Văn H2 và Lê Thế Tr đồng phạm thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như sau:

Vào một ngày khoảng cuối tháng 11/2013, Nguyễn Thế C1 gọi điện thoại thuê Lê Thế Tr và Dương Văn H2 đi Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua viên ma túy tổng hợp. H2 một mình đi xe máy đến Km 44 đường Quốc lộ 6, đoạn đường gần chợ Trường Yên chờ còn C2 một mình đi xe máy xuống Hà Nội đón Tr ở ngã tư đường Nguyễn Xiển và đường Nguyễn Trãi rồi đi gặp H2. Tại đây, C2 đưa cho Tr 130 triệu đồng để mua 15 túi ma túy tổng hợp (mỗi túi 200 viên), C2 hỏi Hoàng có mua ma túy của H2 không để C2 báo cho “ông già” chuẩn bị. H2 bảo mua của H2 3 túi. Nhận tiền xong H2 và Tr đi xe máy đến Km 46 Quốc lộ 6 đoạn đường rẽ vào nhà “ông già” H2 xuống xe bảo Tr ở ngoài chờ để Hoàng gọi cho “ông già” ra đón vào nhà “ông già” mua ma túy. Tại đây, H2 mua của “ông già” 18 túi ma túy tổng hợp với giá 8,4 triệu đồng/1 túi (mỗi túi có 200 viên) được quán thành 2 bọc bằng băng dính màu đen (một bọc có 15 túi và 1 bọc có 3 túi) để trong túi vải màu đen rồi bảo “ông già” chở ra đường gọi Tr đến đón rồi đi về. Khi về đến ngã 3 đường rẽ đi Thanh Hoá thuộc huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình lúc đó khoảng 1 giờ đêm nên H2 và Tr giấu gói ma túy ở rìa đường rồi vào nhà nghỉ không rõ địa chỉ ở gần đó thuê phòng ngủ đến 4 giờ 30 phút cùng ngày thì trả phòng và ra chỗ giấu ma túy lấy gói ma túy. H2 cất riêng 3 túi ma túy của Hoàng vào túi quần đang mặc còn lại 15 túi H2 cho vào ba lô của Tr mang theo từ trước rồi cùng Tr đi về. Khi về đến đoạn đường thuộc khu vực huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình thì gặp C2 chờ ở đó. Tr cầm ba lô đựng 15 túi ma túy tổng hợp đi sang ngồi sau xe máy của C2 còn H2 một mình đi xe máy về. Về đến nhà, C2 bỏ ma túy ra đếm thấy đủ 15 túi, C2 lấy 3 túi ma túy tổng hợp đưa cho Trung, bảo Tr đi bán lấy tiền coi như C2 trả tiền công cho Tr. Tr đồng ý nhận 03 túi ma túy tổng hợp và đi về.

Khoảng 2 ngày sau, do không biết chỗ bán nên Tr mang 3 túi ma túy tổng hợp đến trả lại cho C2. C2 nhận lại và trả cho Tr 10 triệu đồng tiền công đi mua ma túy.

9. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Ngô Xuân T1, Tạ Thị L1 Nguyễn Trung K, Dương Văn H2, Nguyễn Thị L1 và Giáp Văn T6 như sau:

Hành vi thứ 1: Sau lần Tạ Thị L1 mua của Ngô Xuân T1 15 túi ma túy tổng hợp, L1 đã xuống nhà T1 để bàn với T1 về việc L1 và T1 cùng góp tiền để T1 thuê người đi Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua ma túy về Bắc Giang giao cho L1 để

L1 mang lên Lạng Sơn bán được giá cao lấy tiền lãi chia nhau. Sau khi thỏa thuận với T1 xong L1 nói lại cho K biết việc L1 và T1 góp vốn cùng mua bán ma túy với nhau.

Vào một ngày cuối tháng 11 đầu tháng 12/2013, T1 gọi điện thoại báo L1 mang 125 triệu đồng sang góp để T1 thuê Dương Văn H2 đi Vân Hồ, Sơn La mua 30 túi ma túy tổng hợp. L1 đồng ý và nói lại cho Nguyễn Trung K biết và bảo K đưa L1 mang tiền xuống góp cho T1. Khoảng 19 giờ cùng ngày K và L1 đi xe máy đến nhà T1, gặp T1 và H2 ở nhà (trước đó T1 gọi điện thoại báo Hoàng sang nhà T1 để lấy tiền đi mua ma túy tổng hợp cho T1 và L1). Tại nhà T1, L1 đưa cho T1 115 triệu đồng bảo T1 bù thêm cho L1 10 triệu đồng, xong việc sẽ tính toán sau. T1 đồng ý và lấy 135 triệu đồng của mình ra gộp thành 250 triệu đồng rồi đưa cho H2, bảo H2 cầm tiền hôm sau đi Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua 30 túi ma túy tổng hợp.

H2 đồng ý nhận tiền rồi đi về. Khoảng 3 giờ sáng ngày hôm sau, H2 rủ bạn gái của mình là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985 đi Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua ma túy. Trước khi đi Lệ có đưa cho Hoàng 20 triệu. Sau đó Hoàng và Lệ đi một xe máy lên Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua của “ông già” 32 túi ma túy tổng hợp cho T1 và L1. Hoàng lấy tiền Lệ đưa cho mua thêm 02 túi nữa với giá 8,2 triệu đồng/túi. Mua xong Hoàng và Lệ đi về đến khu vực ngã ba Đình Trám, huyện VY thì Lệ xuống xe và bắt xe Taxi về trước còn Hoàng một mình đi về nhà T1. Trên đường về đến gần nhà T1, Hoàng dừng lại lấy ra hai túi ma túy của mình cất vào túi quần đang mặc còn 30 túi ma túy tổng hợp Hoàng mang về giao cho T1. Khoảng 19 giờ cùng ngày một mình K đi xe máy đến, T1 giao cho K 30 túi ma túy tổng hợp để K mang về cho L1 bán. Khoảng 5 ngày sau, L1 gọi điện thoại thông báo cho T1 biết là đã bán hết số ma túy trên với giá 14 triệu đồng/túi được 420 triệu đồng. L1 gửi qua xe khách xuống trả cho T1 trước 180 triệu đồng, một tuần sau L1 và K đến nhà T1 thanh toán tiền. L1 và T1 tính trả công cho Hoàng 25 triệu đồng còn lại L1 đưa trả cho T1 thêm 42,5 triệu đồng.

Hành vi thứ 2: Trong tháng 12/2013, sau lần 1 khoảng 15 ngày Ngô Xuân T1 gọi điện thoại cho Tạ Thị L1 thống nhất mỗi bên góp 150 triệu đồng để T1 thuê Hoàng đi Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua 02 bánh Heroin đem về Bắc Giang rồi T1 mang lên Lạng Sơn bán cho khách của T1. L1 đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày L1 và K mang 15 triệu đồng đến nhà đưa cho T1. Sáng hôm sau T1 bỏ ra 150 triệu đồng của T1 gộp với tiền L1 và K góp hôm trước được 300 triệu đồng rồi bảo Hoàng cùng T1 đi lên huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La mua ma túy. Trên đường đi T1 và Hoàng rẽ vào một cửa hàng Vàng Bạc không nhớ địa chỉ ở thành phố Hà Nội mua 14.000 USD hết 296 triệu đồng rồi đi tiếp lên Vân Hồ, Sơn La mua của “ông già” 02 bánh Heroin với giá 7.000 USD/ bánh. Sau đó T1 cùng Hoàng đem thẳng lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, Lạng Sơn bán cho H3 với giá 230 triệu đồng/bánh. Bán ma túy xong, T1 điện thoại cho L1 đến nhà T1 để thanh toán tiền. Tại nhà T1 có mặt cả T1, Hoàng, L1 và K, mọi người thống nhất trả công cho Hoàng 30 triệu đồng còn lại T1 và L1 chia nhau mỗi người được 215 triệu đồng cả tiền gốc và tiền lãi.

Các bị cáo Dương Văn H2, Ngô Xuân T1, Tạ Thị L1 và Nguyễn Trung K đều khai nhận về hành vi mua bán trái phép 02(hai) bánh Heroin. Hoàng được hưởng lợi 30 triệu đồng; T1 được lãi 65 triệu đồng; L1 và K được hưởng lãi 65 triệu đồng.

Hành vi thứ 3: Sau lần 2 khoảng 3 ngày, T1 gọi điện thoại cho L1 thống nhất mỗi bên góp 115 triệu để T1 thuê Hoàng đi mua 01 bánh Heroin và 10 túi ma túy tổng hợp rồi mang thẳng lên Lạng Sơn bán. Khoảng 19 giờ cùng ngày L1 và K đi xe máy đến nhà T1 thấy Hoàng cũng có mặt ở đó. Tại đây, L1 và K góp với T1 115 triệu đồng. T1 nhận tiền và lấy ra 115 triệu đồng gộp thành 230 triệu đồng rồi đưa ngay cho Hoàng bảo Hoàng cầm tiền hôm sau đi cùng với Giáp Văn Toàn là người cùng xóm với T1 đi Sơn La mua 01 bánh Heroin và 10 túi ma túy tổng hợp. Khoảng 10 giờ ngày hôm sau, Hoàng đi xe máy đến nhà T1 đón Toàn để đi mua ma túy. Trên đường đi Hoàng và Toàn vào một cửa hàng Vàng Bạc không nhớ địa chỉ ở thành phố Hà Nội mua 7.000 USD hết 148 triệu đồng. Sau đó hai người đi thẳng lên Vân Hồ, Sơn La mua của “ông già” 01 bánh Heroin với giá 7.000 USD/bánh và 10 túi ma túy tổng hợp với giá 8.2 triệu đồng/túi. Mua xong Hoàng và Toàn đi về. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày hôm sau hai người về đến khu vực Quán Dãnh, Tụ Lạn, Việt Yên, Bắc Giang thì Toàn xuống xe gọi T1 ra đón còn Hoàng một mình mang bánh Heroin về nhà T1 giao cho T1. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày một mình Hoàng đi xe máy đem 01 bánh Heroin và 10 túi ma túy tổng hợp đi cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bán cho H3 với giá 230 triệu đồng/bánh và 13 triệu đồng/túi ma túy tổng hợp. Giao ma túy xong Hoàng đi về. Khoảng 3 ngày sau, H3 gửi xe ô tô khách về trả T1 360 triệu đồng. Sau khi nhận được tiền T1 thông báo cho L1 biết. Khoảng 19 giờ cùng ngày L1 và K đi xe máy (lên nhà T1 thanh toán tiền. Mọi người tính trừ tiền công trả cho Toàn 6 triệu đồng và Hoàng 24 triệu đồng. T1 và L1 chia nhau mỗi bên được 165 triệu đồng cả tiền gốc và tiền lãi. Thanh toán xong, L1 và K vay lại của T1 75 triệu đồng để K đi chuộc lại chiếc xe ô tô tải của K cầm cố trước đó. T1 khai sau lần này giữa T1 và L1, K không làm ăn với nhau nữa; số tiền 75 triệu đồng L1 và K vay của T1, đến nay chưa trả cho T1.

10. Ngô Xuân T1, Dương Văn H2 và Nguyễn Thị L1 đồng phạm thực hiện hành vi mua bán ma túy như sau:

Trong ngày 07 và ngày 08/1/2014, Ngô Xuân T1 đưa 02 lần cho Dương Văn H2 tổng số 207 triệu đồng và bảo Hoàng đem đi Vân Hồ, Sơn La mua 30 túi ma túy tổng hợp (số tiền thiếu T1 sẽ trả sau). Chiều ngày 8/1/2014 Hoàng rủ bạn gái của mình là Nguyễn Thị L1 đi cùng. Đến Km 46 Quốc lộ 6 thuộc huyện Vân Hồ, Sơn La, khoảng 24 giờ cùng ngày, Hoàng gọi điện thoại cho “ông già” mang ma túy tổng hợp ra bán cho Hoàng. Do không đủ tiền “ông già” chỉ bán cho Hoàng 25 túi ma túy tổng hợp. Mua xong Hoàng và L1 đi lên thị trấn Mộc Châu thuê nhà nghỉ ngủ qua đêm đến 7 giờ sáng ngày hôm sau thì trở về Bắc Giang. Khi về đến khu vực bến xe Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội thì Hoàng xuống xe máy mang theo 25 túi ma túy tổng hợp đựng trong túi xách màu đen bắt xe ô tô Taxi về Bắc Giang, trên đường về đến đoạn đường thuộc khu vực

thôn NN, xã QC, huyện VY, tỉnh Bắc Giang thì bị lực lượng cảnh sát phòng chống tội phạm ma túy phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng là 25 túi ma túy tổng hợp có tổng số 4.903 viên như nêu trên. Sau khi Hoàng xuống xe máy đón Taxi đi thì Lê một mình đi xe máy về. Trên đường về thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra bắt giữ.

Cơ quan điều tra kết luận Dương Văn H2, Ngô Xuân T1, và Nguyễn Thị L1 đồng phạm thực hiện hành vi mua bán trái phép 25(hai mươi năm) túi ma túy tổng hợp = 4.903 viên. Kết quả giám định là chất ma túy Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 457,303 gam, hàm lượng Methamphetamine trung bình là 11%. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn nêu hành vi phạm tội của các bị cáo khác trong vụ án, các bị cáo này không có kháng cáo, kháng nghị.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 11/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo: Nguyễn Thế C1 phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Xã TL1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 35 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Ngô Xuân T1 tử hình. Phạt tiền 50 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53 Điều 34 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn T2 tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 22/02/2014. Phạt tiền 30.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 34 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế C1 tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 19/3/2014. Phạt tiền 30.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 194; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Xã TL1 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 26/8/2014. Phạt tiền 20.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các báo cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/9/2015, bị cáo Ngô Xuân T1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 17/9/2015, bị cáo Lưu Văn T2 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 18/9/2015, bị cáo Nguyễn Thế C1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 24/9/2015, bị cáo Xã TL1 kháng cáo kêu oan.

Ngày 30/9/2015, bị cáo Lê Thế Tr kháng cáo xin giảm hình phạt, ngày 12/10/2015, bị cáo Tr rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Thông báo rút kháng cáo đối với bị cáo Trung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Xuân T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, cụ thể bị cáo đã thực hiện 11 lần mua bán trái phép chất ma túy với 8 bánh Heroin và 110 túi ma túy tổng hợp Methamphetamine mỗi túi có 200 viên. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lưu Văn T2 khai nhận một lần mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Văn C2 số lượng là một bánh Heroin thời gian là tháng 2/2013. Bị cáo Lưu Văn T2 không khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Văn C2 với số lượng là 2 bánh Heroin, trong thời gian tháng 3/2013. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo chỉ một lần mua bán trái phép chất ma túy với số lượng là một bánh Heroin. Ngoài ra bị cáo còn có bố để được tặng bằng khen, chị ruột tham gia kháng Đ2 chống Mỹ được tặng giấy khen, bác ruột là liệt sỹ.

Bị cáo Nguyễn Thế C1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã được nêu trên, cụ thể bị cáo Nguyễn Thế C1 đã 6 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng là 2 bánh Heroin và 83 túi ma túy tổng hợp loại Methamphetamine, mỗi túi có 200 viên. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Xã TL1 chỉ khai nhận một lần bán Heroin cho Nguyễn Thế C1 với số lượng là một bánh, nhưng bánh đó là giả, mục đích của Xã TL1 là lừa Nguyễn Thế C1 để lấy tiền, Xã TL1 cho rằng mình không phạm tội mua bán trái phép chất ma túy như đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử mà chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Xã TL1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để xử đúng tội danh đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: có đủ chứng cứ để kết luận bị cáo Ngô Xuân T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Lưu Văn T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế C1 phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Bị cáo Xã TL1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án; xem xét nhân thân; các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Xuân T1 phát biểu ý kiến: Số lượng ma túy trong vụ án lớn hơn gấp nhiều lần so với Biên bản bắt người phạm tội quả

tang là do các bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi bị bắt Ngô Xuân T1 đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện xử lý tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Ngô Xuân T1 các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đây là vụ án truy xét không thu giữ được Heroin, nên không giám định được hàm lượng gây thiệt thòi cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết nêu trên để giảm hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Lưu Văn T2 và Nguyễn Thế C1 phát biểu ý kiến: Về việc giám định, quá trình điều tra không thu giữ được vật chứng là Heroin, vậy lấy căn cứ nào để xác định ma túy là Heroin, hàm lượng là bao nhiêu, trọng lượng là bao nhiêu, việc quy đổi từ bánh Heroin ra gam cũng không có căn cứ chính xác. Về ma túy tổng hợp, đã xác định được hàm lượng, đề nghị phải được quy đổi ra trọng lượng nguyên chất. Đối với việc mua bán ma túy của Lưu Văn T2, thì Ngô Xuân T1 khai Nguyễn Văn C2 đã 2 lần mua bán với T2 số lượng là 3 bánh, nhưng lời khai của T1 còn nhiều mâu thuẫn, không thống nhất. Hiện nay Lê Đ1 A1 đang bỏ trốn, chưa bắt được, nên cần thiết tách hành vi lần thứ 2 mua bán với Đ2 2 bánh Heroin để xử lý sau khi nào bắt được Lê Đ1 A1. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo T2 đã xuất trình tài liệu bố của bị cáo T2 được tặng bằng khen, chị gái được tặng huy chương, bác của bị cáo là liệt sỹ; và xác nhận của chính quyền địa phương gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo đề nghị được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền. Về tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm tố tụng, cụ thể khi thay đổi thẩm phán của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã không có quyết định thay đổi; Biên bản nghị án có sự sửa chữa chữ ký của thẩm phán tham gia. Từ việc phân tích trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Cần T4 hành giám định để xác định hàm lượng ma túy, từ đó xác định trọng lượng ma túy, nếu không xác định được hàm lượng, trọng lượng ma túy thì chỉ xét xử theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; không đủ căn cứ xác định Lưu Văn T2 đã 2 lần mua bán với số lượng 3 bánh Heroin, chỉ đủ căn cứ xác định Lưu Văn T2 1 lần mua bán 1 bánh Hêrôin, cần tách hành vi mua bán của T2 với số lượng 2 bánh để xử lý sau khi bắt được Lê Đ1 A1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Lưu Văn T2 và Nguyễn Thế C1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thế C1 và áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Văn T2 và miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Xã TL1 phát biểu ý kiến: Quá trình điều tra vụ án, không thu giữ được mẫu vật, do đó không xác định được loại ma túy, hàm lượng ma túy, trọng lượng ma túy. Bị cáo H1 khai một bánh bán cho Nguyễn Thế C1 là giả, làm bằng bột sắn, mục đích là lừa Nguyễn Thế C1. Vì vậy luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự đối với Xã TL1 và giảm hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát, các luật sư, các bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Xuân T1 và Nguyễn Thế C1 phù hợp với lời khai của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội của Ngô Xuân T1 và Nguyễn Thế C1; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hành vi phạm tội của Lưu Văn T2 được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Tại cơ quan điều tra, Ngô Xuân T1 khai: Lần 1, T1 dẫn Nguyễn Văn C2 đến nhà Lưu Văn T2 để trao đổi mua bán Heroin, Đ2 đã mua của T2 một bánh Heroin, sau đó T1 đón Lê Đ1 A1 mang Hêrôin lên Lạng Sơn bán cho H3 với giá 230.000.000 đồng, Đ2 trả 5.000.000 đồng tiền công cho T1. Lần 2 khoảng cuối tháng 3/2013, Đ2 mua của T2 2 bánh Heroin, Lê Đ1 A1 và T1 đi xe máy đến khu vực cầu Văn Yên chờ. Đ2 và T2 đi xe máy Dream đến. Tại đây, T2 cầm túi nilon đựng 2 bánh Heroin đưa cho Lê Đ1 A1. Sau đó T1 và Lê Đ1 A1 đi Lạng Sơn bán cho H3, Đ2 trả tiền công cho T1 8.000.000 đồng (BL 686 - 688).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngô Xuân T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa Nguyễn Văn C2 và Lưu Văn T2 nêu trên.

Nguyễn Văn C2 tại cấp sơ thẩm đã khai nhận lần 1 Đ2 mua của Lưu Văn T2 1 bánh Heroin; Lần 2 Đ2 mua của T2 2 bánh Heroin, sau đó giao cho T1 và Đ1 đưa lên Lạng Sơn bán cho H3 (BL 761 - 766 tập III).

Lời khai nhận của Ngô Xuân T1 phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn C2 và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của Xã TL1 được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

Nguyễn Văn C2 tại cấp sơ thẩm đã khai nhận thông qua Nguyễn Thế C1, Đ2 đã mua của Xã TL1 hai bánh Heroin với giá 4.000.000 đồng, khi mua xong kiểm tra thấy một bánh kém chất lượng nên Đ2 và C2 đã trả lại 1 bánh này và nhận lại tiền. Sau đó Đ2 giao 1 bánh Heroin cho T1 và Đ1 đưa lên Lạng Sơn bán cho H3 với giá 230.000.000 đồng, Đ2 trả tiền công cho T1 và Đ1 mỗi người 4.000.000 đồng.

Nguyễn Thế C1, tại phiên tòa phúc thẩm đã khai nhận hành vi đưa Nguyễn Văn C2 đến nhà Xã TL1 để mua 2 bánh Heroin, sau khi mua xong về nhà Đ2 kiểm tra thấy có một bánh kém chất lượng nên C2 và Đ2 đem đến nhà H1 trả và nhận lại tiền.

Ngô Xuân T1 tại phiên tòa phúc thẩm cũng khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thế C1, Xã TL1, Ngô Xuân T1 và Lê Đ1 A1 nêu trên.

Lời khai nhận tội của Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thế C1 và Ngô Xuân T1 phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Lưu Văn T2 cho rằng chỉ đủ căn cứ kết luận bị cáo Lưu Văn T2 một lần mua bán một bánh Heroin. Hành vi thứ 2 mua bán 2 bánh Heroin chưa đủ chứng cứ để kết luận, cần được tách ra để xử lý sau khi bắt được Lê Đ1 A1 và lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo Xã TL1 cho rằng chỉ đủ căn cứ để xử lý Xã TL1 theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong năm 2013 đến đầu năm 2014 các bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Thế C1 và Xã TL1 đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể:

Bị cáo Ngô Xuân T1 11 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 08 bánh Heroin có tổng trọng lượng tương đương 2.640 gam (8x330 gam = 2.640 gam) và 110 túi ma túy tổng hợp Methamphetamin mỗi túi 200 viên, có tổng trọng lượng 2.046 gam.

Bị cáo Lưu Văn T2 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 03 bánh Heroin có tổng trọng lượng tương đương 990 gam.

Bị cáo Nguyễn Thế C1 06 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, với số lượng 02 bánh Heroin có tổng trọng lượng tương đương 660 gam và 83 túi ma túy tổng hợp Methamphetamine, mỗi túi có 200 viên có tổng trọng lượng 1.543,8 gam.

Bị cáo Xã TL1 01 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 02 bánh Heroin có tổng trọng lượng tương đương 660 gam.

[6] Do có hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ngô Xuân T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lưu Văn T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thế C1 về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự; Bị cáo Xã TL1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan.

[7] Xét kháng cáo của các bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Thế C1 và Xã TL1, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi mua bán trái phép chất ma túy do các bị cáo thực hiện là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chính sách quản lý đặc biệt của nhà nước về chất ma túy, là nguyên nhân gây ra một số tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an chung. Để tiếp tục đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy, cần thiết phải xử lý đối với các bị cáo bằng một hình phạt thật nghiêm khắc.

[8] Xét vai trò, nhân thân các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Đối với bị cáo Ngô Xuân T1 trong 11 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì Ngô Xuân T1 là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực. Ma túy gồm nhiều loại với số lượng lớn. Bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo thực hiện nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy, vì

vậy phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là “phạm tội nhiều lần”. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, do đó, đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo và hậu quả gây ra cho xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt cao nhất đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Lưu Văn T2, trong 02 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đều giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực. Số lượng ma túy là 03 bánh Heroin. Bị cáo thực hiện nhiều lần phạm tội, vì vậy phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra vụ án bị cáo chỉ khai nhận một lần bán Heroin cho Nguyễn Văn C2 với số lượng 01 bánh, ngoài ra quanh co chối tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là “thành khẩn khai báo” theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là không đúng. Tuy nhiên, không có kháng cáo, kháng nghị về việc áp dụng tình tiết này, vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên tình tiết này đối với bị cáo. Xét tính chất và mức độ phạm tội và các tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo, Nguyễn Thế C1 6 lần thực hiện hành vi phạm tội với số lượng 2 bánh Heroin và 83 túi ma túy tổng hợp (tương đương 1.543,8 gam) bị cáo giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực. Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bản thân là người chưa có tiền án, tiền sự. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo các tình tiết theo điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mức hình phạt tù chung thân đối với bị cáo là không nặng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo Xã TL1 , 01 lần thực hiện hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy với số lượng 02 bánh Heroin, có tổng trọng lượng tương đương 660 gam. Bị cáo thực hiện tội phạm trực tiếp và tích cực. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Mua bán phụ nữ” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới được xác định là người có nhân thân xấu và phải chịu một tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo quanh co chối tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Mức hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là không nặng, do đó không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về hình phạt bổ sung (phần này không có kháng cáo, kháng nghị) Tại phiên tòa, gia đình bị cáo Lưu Văn T2 và gia đình bị cáo Nguyễn Thế C1 xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo và đề nghị được miễn tiền phạt bổ sung, miễn án phí. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều thực hiện tội phạm về ma túy; tính chất và mức độ phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; hành vi mua bán trái phép chất ma túy có thu lợi bất chính, do đó, việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là cần thiết. Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng”. Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, phạt Lưu Văn T2 và Nguyễn Thế C1 mỗi bị cáo 30.000.000 đồng là không nặng. Vì vậy, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Các bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Thế C1, Xã TL1 phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[12] Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Thế C1, Xã TL1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Xuân T1 tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

[3] Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T2 tù chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/02/2014.

[4] Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế C1 tù chung thân về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/3/2014.

[5] Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194; Điều 20; Điều 53; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Xã TL1 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2014.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Các bị cáo Ngô Xuân T1, Lưu Văn T2, Nguyễn Thế C1, Xã TL1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Ngô Xuân T1 được gửi đơn xin ân giảm án tử hình lên Chủ tịch nước – Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Anh Dũng

Đinh Thị Phụng

Đinh Quang Sơn